

7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

%

	Chỉ số giá tháng 8 năm 2020 so với:				Chỉ số giá bình quân tháng 8 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
	Kỳ gốc 2014	Tháng 8 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 7 năm 2020	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	101,87	100,26	96,84	100,25	102,63
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,61	105,13	97,58	100,49	109,43
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	103,78	103,34	102,83	100,32	105,39
Thực phẩm	108,45	115,16	102,88	100,72	113,37
Ăn uống ngoài gia đình	100,05	84,41	83,78	100,03	102,28
Đồ uống và thuốc lá	103,19	104,37	104,35	100,28	101,28
May mặc, mũ nón và giày dép	103,07	85,26	84,12	100,13	97,66
Nhà ở và vật liệu xây dựng	101,81	102,57	99,85	99,60	99,04
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,36	102,04	101,25	100,55	101,88
Thuốc và dịch vụ y tế	100,08	80,69	80,60	100,05	97,63
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	100,00	84,76	84,76	100,00	99,09
Giao thông	88,70	80,65	81,07	100,30	86,92
Bưu chính viễn thông	100,03	97,35	97,35	100,02	99,28
Giáo dục	101,08	134,57	132,64	100,12	109,15
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	101,05	141,21	140,07	100,00	109,67
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,05	93,37	93,10	100,40	97,33
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,67	101,49	100,28	100,50	105,54
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	130,03	138,22	131,52	108,13	127,92
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	100,17	100,44	104,98	99,97	97,12